TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41** /2019/HS-ST
Ngày 07/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Vượng và ông Ma Quốc Thể

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 11/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HS ngày 09/4/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-HS ngày 24/4/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn Q1**; sinh ngày 25/10/1994 tại SD, Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn Y, Xã ĐP, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/02/2019 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Họ và tên: **Vi Văn Q2**; sinh ngày 26/9/1996 tại SD, Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn D, Xã ĐP, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vi Văn T, sinh năm 1970 và bà Phan Thị N, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2018 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- ***Bị hại***: Anh Chu Văn Q3, sinh năm 2003. Trú tại: Thôn Đ, Xã ĐP, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- ***Người đại diện hợp pháp của bị hại***: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982. Trú tại:

Thôn Đ, Xã ĐP, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại**: Ông Nguyễn Văn Thăng - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tuyên Quang. Có mặt

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Chu Văn H, sinh năm 1977. Trú tại: Thôn Đ, Xã ĐP, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Anh Lê Thế H2, sinh năm 1992. Trú tại: Thôn V, xã SN, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1976. Trú tại: Thôn Y, Xã ĐP, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

2. Anh Vũ Văn H4, sinh năm 1990. Trú tại: Thôn D, Xã ĐP, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

3. Anh Phan Văn K, sinh năm 1999. Trú tại: Thôn H, Xã ĐP, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 07/10/2018, Nguyễn Văn Q1 rủ Vi Văn Q2 đến nhà bà ngoại Q1 để trộm cắp tài sản nhưng không trộm cắp được do có người ở nhà. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Q2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, màu sơn trắng biển kiểm soát 22S2-040.71 chở Q1 đến xưởng mộc của anh Vũ Văn H4 ở thôn D, Xã ĐP, huyện SD để Q1 vào xưởng mộc vay tiền của người quen.

Khi đó tại xưởng mộc của anh H4 có Chu Văn Q3 và Phan Văn K đang làm việc. Q1 quan sát thấy trên bàn uống nước có 01 điện thoại di động Iphone 6, bản 64Gb, màu xám của Q3, thấy không có người trông coi nên Q1 lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần rồi đi ra cổng và lên xe của Q2.

Trên đường đi Q1 nói cho Q2 biết việc Q1 trộm cắp được chiếc điện thoại di động tại xưởng mộc và đưa Q2 xem thì thấy điện thoại bị khóa mật khẩu. Q1 và Q2 cùng bàn bạc đem chiếc điện thoại đi phá khóa rồi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Sau đó, cả hai đến cửa hàng điện thoại của anh Lê Thế H2 ở thôn V, xã SN, huyện SD. Q2 hỏi anh H2 việc phá khóa chiếc điện thoại trên và nói dối là điện thoại của thím Q2 bị quên mật khẩu thì H2 trả lời: "Không phá khóa được, nếu bán thì mua để lấy linh kiện". Q1 và Q2 đồng ý bán chiếc điện thoại trên cho anh H2 với số tiền 500.000 đồng, cả hai cùng chi tiêu cá nhân hết 200.000 đồng, còn 300.000 đồng thì Q1 giữ.

Khi Q1 và Q2 đi đến đoạn đường thuộc thôn ĐN, Xã ĐP, huyện SD thì gặp bà Nguyễn Thị H (là mẹ của Chu Văn Q) và ông Nguyễn Văn H3. Bà H yêu cầu Q1 trả lại chiếc điện thoại di động đã trộm cắp của Q3 tại xưởng mộc. Sau

đó, mọi người cùng quay lại cửa hàng điện thoại của anh H2, bà H yêu cầu Q1 chuộc lại chiếc điện thoại di động của Q3 thì Q1 đưa cho anh H2 số tiền 300.000 đồng và hẹn trong ngày sẽ mang tiền đến để chuộc lại điện thoại. Đến 19 giờ cùng ngày, không thấy Q1 đem trả điện thoại nên ông Chu Văn H1 (bố Q3) đã chuộc lại chiếc điện thoại di động trên và đưa cho Q3.

Tại kết luận định giá tài sản số 131/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 18/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Dương, kết luận: 01 điện thoại di động Iphone 6, bản 64Gb, màu xám tại thời điểm bị trộm cắp trị giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Chu Văn Q3 đã nhận lại được tài sản nên không có yêu cầu, đề nghị gì. Ông Chu Văn H1 (bố Q3) không có yêu cầu, đề nghị gì.

Từ nội dung trên, Cáo trạng số 31/CT-VKSND ngày 08/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q1 về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Vi Văn Q2 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và khẳng định:

- Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q1 đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Q1 từ 07(bảy) tháng đến 10(mười) tháng tù

- Hành vi của và Vi Văn Q2 đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vi Văn Q2 từ 06(sáu) đến 09(chín) tháng tù

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại trình bày: Hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, gây hoang mang phẫn nộ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Do đó HĐXX cần xử mức án tương xứng với hành vi phạm tội của hai bị cáo. Về trách nhiệm hình áp dụng khoản 1 Điều 178 đối với bị cáo Q1 và khoản 1 Điều 323 đối với bị cáo Q2. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về phần dân sự bị hại và đại diện hợp pháp cho bị hại không có đề nghị gì nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nội dung khai báo của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới. Các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản, các bị cáo nhất trí với luận

tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Kết thúc phần tranh tụng, các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn Q1 và Vi Văn Q2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Kết luận định giá tài sản, biên bản sự việc, biên bản xác minh hiện trường, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 07/10/2018 tại xưởng gỗ của anh Vũ Văn H4 ở thôn D, Xã ĐP, huyện SD, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Văn Q1 có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, bộ nhớ 64Gb, vỏ màu xám trị giá 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) của Chu Văn Q3. Sau đó, Q1 cùng Q2 đem bán chiếc điện thoại trên cho anh Lê Thế H2 trú tại thôn V, xã SN, huyện SD (Anh H2 không biết nguồn gốc tài sản do trộm cắp mà có).Vi Văn Q2 khi cùng Q1 đem bán chiếc điện thoại trên, Q2 biết rõ nguồn gốc tài sản do Q1 trộm cắp mà có.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[4] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, với mục đích vụ lợi, bị cáo Q1 đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo Q2 biết là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn tiêu thụ. Do vậy cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, là lao động tự do không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương đã tạm giữ 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, vỏ màu xám, bộ nhớ 64Gb, số IMEI 359306066770676. Ngày 07/11/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại di động trên cho Chu Văn Q3.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ vào*: Khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q1 phạm tội Trộm cắp tài sản

* *Căn cứ vào*: Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố Bị Cáo Vi Văn Q2 phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

Xử phạt*: Bị cáo Nguyễn Văn Q1 **07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 09/02/2019.

* *Xử phạt*: Bị cáo Vi Văn Q2 **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 17/12/2018.

***** *Về án phí :* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Văn Q1 và Vi Văn Q2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

***** *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn H1 vắng mặt

tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;;
- UBND xã ĐP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Phạm Thị Quỳnh